

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 78/2025/DS-ST

Ngày: 08 - 5 - 2025

V/v: “T/C hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương;
Ông Nguyễn Thành Quyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Bảo Trân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 4 và 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Địa chỉ: Số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

Đại diện theo pháp luật: Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Đại diện hợp pháp:

1. Nguyễn Thị H, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng xử lý nợ; là người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng;

2. Nguyễn Hòa H1, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Số C Đại lộ H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; là người được ủy quyền lại tham gia tố tụng. Có mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Minh L, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thanh T
Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hòa H1 trình bày:

Bị đơn là ông Nguyễn Minh L có xác lập hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với nguyên đơn để vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần K, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 123/19/HĐHM/0903-7641 ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Hợp đồng tín dụng từng lần số 196/20/HĐTD/0903-7641 ngày 29 tháng 4 năm 2020; số tiền vay: 70.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: lãi trong hạn: 13,6%/năm, lãi quá hạn: 150% so với lãi trong hạn, lãi phạt lãi chậm trả: 10%/năm.

2. Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 40039137000010 ngày 13 tháng 5 năm 2019: Thẻ JCB; hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng; lãi suất trong hạn: 22%/năm, thay đổi theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ; phí phạt vượt hạn mức: 0,075%/ngày.

Tổng cộng hai khoản vay là 100.000.000 đồng.

Để đảm bảo các khoản vay trên, hai bên đã xác lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 123/19/HĐTC-BDS/0903-7641 ngày 25 tháng 4 năm 2019; tài sản thế chấp là: 4.951m² đất chuyên trồng lúa nước tại thửa số 838, tờ bản đồ số 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CB 478145, vào sổ số: CS00432, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp cho ông Nguyễn Minh L ngày 08 tháng 3 năm 2016.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn đã rút tiền và nộp lại cho đến thời điểm hiện tại còn nợ gốc là 29.927.378 đồng; đối với hợp đồng tín dụng đã trả lãi số tiền là 2.373.480 đồng, nợ gốc chưa trả.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn các khoản vay gồm:

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng là 136.347.533 đồng, trong đó: Nợ gốc là 70.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.076.712 đồng, nợ lãi quá hạn là 56.318.548 đồng, nợ lãi phạt chậm trả là 2.952.273 đồng.

Khoản vay sử dụng thẻ là 110.706.700 đồng, trong đó: Nợ gốc là 29.927.378 đồng, nợ lãi là 28.529.077 đồng, phí phạt (bao gồm: Phí chậm thanh toán, phí sử dụng vượt hạn mức và phí thanh toán tối thiểu/tháng) là 52.250.245

đồng.

Tổng cộng là 247.054.233 đồng.

- Bị đơn là ông Nguyễn Minh L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Vào ngày 19 tháng 10 năm 2015, ông có nhận cổ đất của ông Nguyễn Minh L với diện tích 4.951m², tọa lạc tại ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang; thời hạn cổ đất là 05 năm; giá trị hợp đồng là 02 cây (20 chỉ) vàng 24k; có lập hợp đồng bằng giấy tay, có ông Nguyễn Văn H2 và ông T1 chứng kiến. Đến nay ông L vẫn chưa chuộc lại đất.

Nay có phát sinh tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần K, ông không có yêu cầu độc lập mà sẽ tự thỏa thuận với ông L. Nếu phần đất đã cố thuộc trường hợp phải kê biên, cưỡng chế theo thủ tục thi hành án dân sự thì ông sẽ thỏa thuận với Ngân hàng thương mại cổ phần K để mua lại phần đất này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số nợ tổng cộng là 247.054.233 đồng; trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có

yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng tín dụng số 123/19/HĐHM/0903-7641 ngày 25 tháng 4 năm 2019, Hợp đồng tín dụng từng lần số 196/20/HĐTD/0903-7641 ngày 29 tháng 4 năm 2020, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 196/20/KUNN ngày 29 tháng 4 năm 2020, Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 40039137000010 ngày 13 tháng 5 năm 2019, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 123/19/HĐTC-BDS/0903-7641 ngày 25 tháng 4 năm 2019. Chứng minh giao dịch vay tiền, sử dụng thẻ tín dụng với các thỏa thuận về lãi suất và thời hạn thanh toán phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Ngược lại, phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không có mặt để đưa ra ý kiến phản đối hay thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

[3.2] Xét nội dung hợp đồng tín dụng số 123/19/HĐHM/0903-7641 ngày 25 tháng 4 năm 2019 và hợp đồng tín dụng từng lần số 196/20/HĐTD/0903-7641 ngày 29 tháng 4 năm 2020 thỏa thuận thời hạn thanh toán là thời hạn vay là 12 tháng; hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 40039137000010 ngày 13 tháng 5 năm 2019 xác định thời hạn sử dụng thẻ tín dụng là 05 năm. Tuy nhiên, đến nay khoản vay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bị đơn chưa thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi suất phát sinh là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ.

[3.3] Nội dung hợp đồng tín dụng số từng lần số 196/20/HĐTD/0903-7641 ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 196/20/KUNN ngày 29 tháng 4 năm 2020 thỏa thuận lãi suất trong hạn là 13,6%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn; hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 40039137000010 ngày 13 tháng 5 năm 2019 thỏa thuận lãi suất trong hạn là 22%/năm, phí phạt vượt hạn mức là 0,075%/ngày là phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng về phí, lãi sử dụng thẻ tín dụng. Theo đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số nợ là 247.054.233 đồng (bao gồm: Khoản vay theo hợp đồng tín dụng là 70.000.000 đồng nợ gốc, 7.076.712 đồng nợ lãi trong hạn, 56.318.548 đồng nợ lãi quá hạn và 2.952.273

đồng nợ lãi phạt chậm trả; khoản vay sử dụng thẻ là 29.927.378 đồng nợ gốc, 28.529.077 đồng nợ lãi và 52.250.245 đồng phí phạt chậm thanh toán, phí sử dụng vượt hạn mức và phí thanh toán tối thiểu) là phù hợp với thỏa thuận về lãi, phí của các đương sự và đúng pháp luật.

[3.4] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 123/19/HĐTC-BĐS/0903-7641 ngày 25 tháng 4 năm 2019 được xác lập có công chứng và đăng ký thế chấp bảo đảm đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định; tài sản thế chấp là: 4.951m² đất chuyên trồng lúa nước tại thửa số 838, tờ bản đồ số 04, thuộc quyền sử dụng của bị đơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CB 478145, vào sổ số: CS00432, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp cho ông Nguyễn Minh L ngày 08 tháng 3 năm 2016. Do đó, cần công nhận hợp đồng thế chấp này là hợp pháp và ghi nhận cho nguyên đơn được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ.

[4] Đối với giao dịch cổ đất giữa bị đơn và ông Nguyễn Thanh T, quá trình giải quyết vụ án, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết mà sẽ tự thỏa thuận với bị đơn, đồng thời trình bày ý kiến xác định nếu phần đất đã cố thuộc trường hợp phải kê biên, cưỡng chế theo thủ tục thi hành án dân sự thì ông sẽ thỏa thuận với Ngân hàng thương mại cổ phần K để mua lại phần đất này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch và toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản. Đối với chi phí thẩm định, định giá tài sản, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí là 10.900.000 đồng nên bị đơn phải nộp toàn bộ số tiền này để giao trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 210 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều

26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc bị đơn là ông Nguyễn Minh L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần K (do bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hòa H1 đại diện) số tiền là 247.054.233 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), trong đó:

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng là 136.347.533 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 70.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.076.712 đồng, nợ lãi quá hạn là 56.318.548 đồng, nợ lãi phạt chậm trả là 2.952.273 đồng.

- Khoản vay sử dụng thẻ tín dụng là 110.706.700 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 29.927.378 đồng, nợ lãi là 28.529.077 đồng, phí phạt chậm thanh toán, phí sử dụng vượt hạn mức và phí thanh toán tối thiểu là 52.250.245 đồng.

1.2. Trường hợp ông Nguyễn Minh L không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 4.951m² đất chuyên trồng lúa nước tại thửa số 838, tờ bản đồ số 04, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CB 478145, vào sổ số: CS00432, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp cho ông Nguyễn Minh L ngày 08 tháng 3 năm 2016 để đảm bảo thu hồi nợ.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh L phải chịu 12.352.700 đồng (mười hai triệu ba trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần K (do bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hòa H1 đại diện) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.192.500 đồng (hai triệu một trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0007195 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Minh L phải nộp số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 10.900.000 đồng (mười triệu chín trăm nghìn đồng) để giao trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K (do bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hòa H1 đại diện).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng